TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TU** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/HSST
Ngày: 20-4-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TU - TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Hồng Thêm;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô;

2. Ông Phạm Quang Trí.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Ngọc Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã TU.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2018; tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 26/2018/HSST ngày 30 tháng 3 năm 2018, theo Q định đưa vụ án ra xét xử số 25/2018/QĐXXST-HS ngày 05/4/2018 đối với:

1. Bị cáo: Họ và tên Nguyễn Minh Q, sinh năm 1984; giới tính: Nam tại HN; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 5, khu phố 5, phường U, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 12/12; con ông Nguyễn Đức Th, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1984 và có 04 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

2. Người làm chứng:

Bà Lê Thị H, sinh năm: 1988; địa chỉ: Khu phố 5, phường U, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Minh Q và bà Nguyễn Thị Nh (sinh năm 1984, HKTT: xã N, huyện TT, Thành phố HN) có mối quan hệ là vợ chồng hợp pháp theo Q định chứng nhận kết hôn số 54 ngày 14/10/2004 (BL 113).

Trong quá trình chung sống giữa Q và bà Nh xảy ra mâu thuẫn trầm trọng và cả hai xác định hôn nhân không thể kéo dài nên cuối năm 2008 Q đã nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện TT, Thành phố HN giải Q việc ly hôn với bà Nh. Nhưng bà Nh không có mặt tại địa phương do đã đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc nên Tòa nhân dân huyện TT không thụ lý. Đến khoảng đầu năm 2009, Q đến thị xã TU, tỉnh Bình Dương để sinh sống và làm việc. Năm 2013, Q quen biết và sống chung với bà Lê Thị H. Năm 2014, Q và bà H có một người con chung tên Nguyễn Lê Anh T. Do Q và bà H chưa đăng ký giấy chứng nhận kết hôn nên Q và bà H không làm giấy khai sinh cho con tên Nguyễn Lê Anh T được. Khoảng tháng 10/2014, Q gặp một người bạn tên Kh và một người tên L (không rõ nhân thân, lý lịch), khi nói chuyện với nhau thì Q nói cho Kh và L nghe việc Q có một người con mà chưa làm giấy khai sinh được vì chưa làm thủ tục ly hôn với bà Nh. Đối tượng tên L nói với Q là L làm được Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho Q để đăng ký kết hôn lần 2, với điều kiện Q đưa cho L giấy chứng minh nhân dân cùng sổ hộ khẩu của Q bản photocopy và số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Trong thời gian khoảng một tháng L sẽ làm xong Giấy chứng nhận tình trạng hôn nhân cho Q thì Q đồng ý và biết L làm Giấy chứng nhận tình trạng hôn nhân giả để nhằm lừa dối Cơ quan chức năng. Khoảng đầu tháng 11/2014, L đưa cho Q Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 363/UBND – XN ngày 06/11/2014 có chữ ký của ông Cấn Văn Hồng và mộc dấu của Ủy ban nhân dân xã K, huyện TT, Thành phố HN.

Ngày 12/11/2014, Q đến Ủy ban nhân dân phường U, thị xã TU, tỉnh Bình Dương nộp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân giả số 363/UBND – XN ngày 06/11/2014 có chữ ký ông Cấn Văn Hồng để làm thủ tục đăng ký kết hôn với bà H. Ngày 12/11/2014, Ủy ban nhân dân phường U cấp giấy chứng nhận kết hôn cho Q và bà H. Qua xác minh, ngày 28/6/2017, Uỷ ban nhân dân xã K, huyện TT, Thành phố HN phát hiện Q đã đăng ký kết hôn lần 2 nhưng chưa làm thủ tục ly hôn với bà Nh nên đã gửi Công văn số 39/UBND-VP ngày 04/8/2017 đến Ủy ban nhân dân phường U, thị xã TU, Bình Dương đề nghị xử lý. Căn cứ, theo nội dung công văn của Uỷ ban nhân dân xã K, huyện TT, thành phố HN thì Ủy ban nhân dân phường U, thị xã TU, tỉnh Bình Dương đã thẩm tra và ra Q định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kết hôn của Nguyễn Minh Q với bà H. Đồng thời có công văn gửi Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã TU đề nghị xử lý hành vi của Q. Quá trình điều tra, Q đã khai nhận hành vi đưa giấy chứng minh nhân dân và hộ khẩu photocopy và 10.000.000 đồng cho L để làm giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (BL 04, 39 – 43, 58 – 61, 119, 120).

Tại Kết luận giám định số 376/GĐ-PC54 ngày 03/10/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương đã có kết luận giám định xác định: Chữ ký mang tên ‘‘Cấn Văn Hồng’’ dưới mục ‘‘TM. Ủy ban nhân dân Chủ tịch (ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu’’ trên 01 (một) ‘‘Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân’’,

số: 363/UBND-XN ngày 06/11/2014 là giả bằng phương pháp *in phun màu* điện tử (BL 65).

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã TU đã tiếp tục thu thập mẫu văn bản so sánh và ra Q định trưng cầu giám định bổ sung số 01/QĐ-CATU ngày 29/11/2017 về hình dấu tròn trên tài liệu cần giám định và hình dấu tròn trên tài liệu cần so sánh có phải do cùng một con dấu đóng ra hay không.

Tại Kết luận giám định số 469/GĐ-PC54 ngày 11/12/2017 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương đã có kết luận giám định xác định: Hình dấu tròn có nội dung ‘‘U.B.N.D XÃ K H.TT TP.HN’’ dưới mục ‘‘TM. Ủy ban nhân dân Chủ tịch (ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu’’ trên 01 (một) ‘‘Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân’’, số 363/UBND-XN ngày 06/11/2014, mang tên Nguyễn Minh Q, (Ký hiệu A) so với hình dấu tròn có nội dung trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M4) không phải cùng một con dấu đóng ra (BL 63).

Riêng đối tượng tên L (không rõ nhân thân, lý lịch) đã nhận làm Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân giả rồi giao lại cho Q, kết quả điều tra đến nay chưa xác định được nhân thân, lý lịch Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã TU tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý sau.

Tại Cáo trạng số 27/CT-VKS-TU ngày 29-3-2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU đã truy tố bị cáo Nguyễn Minh Q phạm tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan”* theo khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU giữ nguyên Q định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh Q phạm tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan”* và áp dụng Khoản 1 Điều 341; Điểm i, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Q từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Không có, nên không đề nghị giải Q.

Bị cáo trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ XÉT THẤY:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trên địa bàn thị xã TU, tỉnh Bình Dương. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã TU khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Minh Q là đúng thẩm quyền.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã TU, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định

của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về tình tiết định tội, định khung hình phạt: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đủ cơ sở kết luận: Khoảng tháng 10/2014, bị cáo Nguyễn Minh Q có hành vi nhờ người làm giả Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; ngày 12/11/2014 có hành vi sử dụng Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân giả để làm thủ tục đăng ký kết hôn. Hành vi của bị cáo Nguyễn Minh Q đã phạm vào tội: "*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan*" theo khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Điều 341 của Bộ luật Hình sự quy định*: "Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*

1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

2. .....".

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Minh Q được hưởng tình tiết "*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*", "*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*"; Bị cáo có ông nội là ông Nguyễn Văn Cự được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì, cha ruột là ông Nguyễn Đức Th được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được theo quy định tại điểm i; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo là lao động chính trong gia đình đang nuôi bốn người con nhỏ đang trong độ tuổi đi học và cha mẹ đã hết tuổi lao động.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phạm vào các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Căn cứ quyết định hình phạt: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp hoạt động chuyên môn mà còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền. Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật Hình sự. Do đó, cần thiết áp dụng đối với bị cáo một hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị báo để răn đe, cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội. Hội đồng xét xử đối chiếu các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo với tính chất mức độ hành vi bị cáo đã

thực hiện; xét thấy mức án đại diện Viện Kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử xem xét khi Q định hình phạt.

[7] Về xử lý vật chứng và đồ vật có liên quan: Đã giải Q xong.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Q ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh Q phạm tội "*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan"*.

1. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 341; Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Minh Q 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

(Tiền phạt bị cáo nộp tại chi cục Thi hành án dân sự thị xã TU để nộp ngân sách Nhà nước).

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 98 và Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Minh Q nộp 200.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TU.

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- PV27, Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã TU;
- Công an thị xã TU;
- Chi cục THADS thị xã TU;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Hồng Thêm